HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41 /2026/NQ-HĐND	*Đồng Nai, ngày 11 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 115/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 và Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và Nghị định số 385/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Nghị định số 354/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về khu công nghệ số tập trung;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 32/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển;

Căn cứ Thông tư số 33/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chí doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất thiết bị điện tử được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp;

Xét Tờ trình số 243/TTr-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố và dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử trên địa bàn thành phố Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 131/BC-BVHXH ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 11 năm 2026.

2. Chính sách hỗ trợ kinh phí quy định tại Nghị quyết này áp dụng đối với các dự án đầu tư mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. Đối với các dự án đã đi vào vận hành trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực, chỉ xem xét hỗ trợ kinh phí đối với các hạng mục sản xuất mẫu thử, mua công nghệ hoặc đổi mới công nghệ phát sinh mới kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai khóa I, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- Ủy banMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- TAND, VKSND, THADS thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai;
- Công báo điện tử thành phố;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Tôn Ngọc Hạnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử trên địa bàn thành phố Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 41../2026/NQ-HĐND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định về tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương đối với các dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử trên địa bàn thành phố Đồng Nai theo quy định tại khoản 6 Điều 40 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15.

b) Quy định này không áp dụng đối với các nội dung dự án đã được hưởng hỗ trợ từ các chính sách, chương trình mục tiêu khác của Trung ương và thành phố cho cùng một hạng mục chi phí.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và thực hiện dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ số tập trung, khu đổi mới sáng tạo và khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các thủ tục thẩm định, quản lý và hỗ trợ kinh phí theo Quy định này.

Điều 2. Nguồn kinh phí

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách thành phố cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Phân bổ kinh phí hỗ trợ hằng năm

a) Căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách địa phương và kế hoạch phát triển công nghiệp công nghệ số của thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ trong dự toán ngân sách địa phương theo quy định.

b) Việc xét duyệt và phân bổ kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, ưu tiên giải ngân cho các hồ sơ nộp trước và đáp ứng

đầy đủ các tiêu chí, điều kiện quy định cho đến khi giải ngân hết nguồn kinh phí được phê duyệt trong năm kế hoạch.

c) Trường hợp hồ sơ đã được thẩm định đạt yêu cầu nhưng nguồn kinh phí hỗ trợ được phân bổ trong năm đã hết, hồ sơ đó sẽ được tự động chuyển sang năm ngân sách tiếp theo để ưu tiên giải ngân hàng đầu, doanh nghiệp không phải nộp lại hồ sơ thẩm định.

Chương II
TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 3. Tiêu chí xác định dự án được hỗ trợ

1. Đối với dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

a) Dự án sản xuất nguyên liệu, vật tư, linh kiện để cung cấp trực tiếp cho dự án sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn thuộc danh mục được quy định tại Thông tư số 32/2025/TT-BKHCN ban hành Danh mục nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển.

b) Tổng vốn đầu tư tối thiểu 20 tỷ đồng trở lên.

2. Đối với dự án sản xuất thiết bị điện tử được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

a) Dự án sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học thuộc mục C.26 Phụ lục danh mục và nội dung hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam kèm theo Quyết định số 32/2026/QĐ-TTg.

b) Dự án đáp ứng tiêu chí theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 33/2025/TT-BKHCN quy định tiêu chí doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất thiết bị điện tử được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

c) Tổng vốn đầu tư tối thiểu 50 tỷ đồng trở lên.

Điều 4. Điều kiện hỗ trợ

Tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí tại Điều 3 Quy định này được xem xét hỗ trợ kinh phí khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Dự án có phát sinh chi phí thực tế cho ít nhất một trong các nội dung: sản xuất mẫu thử; mua công nghệ; đổi mới công nghệ thực hiện tại thành phố Đồng Nai.

2. Có báo cáo kiểm toán độc lập xác nhận các khoản chi phí thực tế và cam kết chưa nhận hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước khác cho cùng một nội dung đề nghị hỗ trợ. Đơn vị kiểm toán độc lập phải được thành lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Bộ Tài chính công khai đủ điều kiện hành nghề kiểm toán trong năm nộp hồ sơ. Đơn vị kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của số liệu được kiểm toán.

3. Hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội và không vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tính đến thời điểm thẩm định hồ sơ.

4. Có văn bản cam kết duy trì hoạt động sản xuất (hằng năm có phát sinh doanh thu từ sản phẩm phụ trợ cho bán dẫn hoặc thiết bị điện tử sử dụng chip bán dẫn) tại thành phố Đồng Nai liên tục tối thiểu 05 năm kể từ ngày nhận hỗ trợ. Trường hợp gặp sự cố bất khả kháng, thiên tai, dịch bệnh hoặc đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu dẫn đến phải tạm ngừng hoạt động, tổ chức, doanh nghiệp phải báo cáo bằng văn bản gửi Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận; thời gian tạm ngừng hoạt động được chấp thuận tối đa không quá 06 tháng và không được tính vào thời hạn cam kết.

5. Đối với dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn, tổ chức, doanh nghiệp phải cam kết cung ứng sản phẩm hằng năm cho ít nhất một doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam thuộc chuỗi sản xuất thiết bị điện tử hoặc bán dẫn trong vòng 05 năm kể từ khi nhận hỗ trợ.

Điều 5. Nội dung và mức hỗ trợ

Tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí và điều kiện tại Điều 3 và Điều 4 Quy định này được hỗ trợ kinh phí cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ sản xuất mẫu thử: hỗ trợ 20% giá trị quyết toán chi phí sản xuất mẫu thử đã được kiểm toán, tối đa 01 tỷ đồng trên một dự án.

2. Hỗ trợ mua công nghệ: hỗ trợ 25% giá trị quyết toán chi phí mua công nghệ đã được kiểm toán, tối đa 05 tỷ đồng trên một dự án.

3. Hỗ trợ đổi mới công nghệ: hỗ trợ 20% giá trị quyết toán chi phí đổi mới công nghệ đã được kiểm toán, tối đa 05 tỷ đồng trên một dự án.

4. Tổ chức, doanh nghiệp có dự án thực hiện có thể đăng ký và nhận hỗ trợ cho một hoặc nhiều nội dung quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này, tổng kinh phí hỗ trợ tối đa 10 tỷ đồng cho một dự án. Mỗi khoản mục chi phí thực tế phát sinh (thể hiện qua hóa đơn, chứng từ quyết toán cụ thể) chỉ được kê khai và áp dụng mức hỗ trợ cho một nội dung duy nhất quy định tại khoản 1, khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này.

Điều 6. Phương thức thực hiện hỗ trợ kinh phí

1. Việc hỗ trợ kinh phí được thực hiện theo phương thức hỗ trợ sau đầu tư và chi trả kinh phí hỗ trợ một lần vào tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp thụ hưởng.

2. Việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách địa phương chỉ được thực hiện sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, xác nhận dự án đã hoàn thành các hạng mục đầu tư và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, điều kiện quy định tại Quy định này.

Chương III
HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC

Điều 7. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí, điều kiện quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy định này lập 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

2. Hồ sơ chứng minh nội dung hỗ trợ gồm: hồ sơ quyết toán, hồ sơ nghiệm thu, các hóa đơn, chứng từ chi phí thực tế liên quan đến nội dung đề nghị hỗ trợ quy định tại Điều 5 Quy định này.

3. Hồ sơ, tài liệu chứng minh việc mua công nghệ, đổi mới công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ đối với nội dung đề nghị hỗ trợ.

4. Báo cáo kiểm toán độc lập xác nhận các khoản chi phí thực tế phát sinh đối với nội dung đề nghị hỗ trợ.

5. Văn bản cam kết thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 4 Quy định này.

Điều 8. Thẩm định và phê duyệt kinh phí hỗ trợ

Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định kinh phí hỗ trợ chung cho các dự án đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này và phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, doanh nghiệp trên cơ sở Báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định.

Điều 9. Trình tự, thủ tục thực hiện

1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

a) Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Quy định này bằng hình thức trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia đến Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố để tiếp nhận và giải quyết.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố phải thông báo thông qua hệ thống trực tuyến để tổ chức, doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố gửi hồ sơ cho Hội đồng thẩm định để thực hiện thẩm định.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện, gửi lại hồ sơ theo yêu cầu. Quá thời hạn nêu trên, nếu tổ chức, doanh nghiệp không bổ sung hoặc bổ sung không đạt yêu cầu, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố dừng xem xét và thông báo trả hồ sơ trên hệ thống.

2. Thẩm định hồ sơ

a) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định và hoàn thành Báo cáo kết quả thẩm định.

b) Trường hợp hồ sơ không đáp ứng các tiêu chí, điều kiện hỗ trợ kinh phí, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có Báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố ban hành Thông báo về việc hồ sơ không đủ điều kiện hỗ trợ kinh phí, trong đó nêu rõ lý do không đạt, cập nhật trạng thái từ chối giải quyết và gửi thông báo điện tử cho tổ chức, doanh nghiệp qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

3. Trình và phê duyệt kinh phí đối với hồ sơ đạt thẩm định

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ.

4. Hỗ trợ kinh phí

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định hỗ trợ kinh phí của Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố thực hiện thủ tục hỗ trợ kinh phí thông qua Kho bạc Nhà nước thành phố để chi trả cho tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ.

Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ lúc tiếp nhận đến lúc thực hiện thủ tục hỗ trợ kinh phí 40 ngày làm việc (không kể thời gian bổ sung hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp và thời gian Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát chi và giải ngân cho tổ chức, doanh nghiệp).

Điều 10. Kiểm tra và báo cáo việc sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. UBND thành phố có trách nhiệm kiểm tra đối với các tổ chức, doanh nghiệp triển khai thực hiện các dự án được hỗ trợ. Kết quả kiểm tra được công khai theo quy định pháp luật.

2. Tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ báo cáo định kỳ 6 tháng, năm hoặc báo cáo đột xuất, báo cáo tổng kết theo yêu cầu về tiến độ, tình hình thực hiện và các cam kết đối với dự án.

Phụ lục

(Kèm theo Nghị quyết số .41/2026/NQ-HĐND ngày ...11 tháng .11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Đồng Nai, ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ

(Về việc hỗ trợ kinh phí dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ hoặc dự án sản xuất thiết bị điện tử)

Kính gửi: < Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố >

1. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

- Tên tổ chức, doanh nghiệp: .....
- Mã số doanh nghiệp (Mã số thuế): ..... Ngày cấp: ..../..../.....
- Cơ quan cấp: .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Người đại diện theo pháp luật: ..... Chức vụ: .....
- Số điện thoại liên lạc: ..... Email: .....

2. THÔNG TIN DỰ ÁN

- Tên dự án: .....
- Mã số dự án (trên Giấy CNĐKĐT - nếu có): .....
  Ngày cấp: ..../..../.....
- Địa điểm thực hiện dự án (*trong Khu công nghiệp, khu công nghệ số tập trung...*):
  .....
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư số:
  ..... do ..... cấp ngày ...../...../.....
- Loại hình dự án (đánh dấu X vào ô tương ứng):

  ☐ Dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp ngành bán dẫn
  ☐ Dự án sản xuất sản phẩm điện tử
- Tổng vốn đầu tư đăng ký của dự án:

3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ

Căn cứ quy định tại Điều 5 Quy định về chính sách hỗ trợ, <Tên doanh nghiệp> đề nghị hỗ trợ kinh phí cho các hạng mục thực tế đã triển khai như sau:

STT	Nội dung hỗ trợ	Giá trị quyết toán đã kiểm toán (VNĐ)	Tỷ lệ hỗ trợ đề nghị (%)	Mức hỗ trợ đề nghị (VNĐ)
1	**Hỗ trợ sản xuất mẫu thử**		20%	
2	**Hỗ trợ mua công nghệ**		25%	
3	**Hỗ trợ đổi mới công nghệ**		20%	
	TỔNG CỘNG			

(Bằng chữ: .....)

4. DANH MỤC HỒ SƠ MINH CHỨNG ĐÍNH KÈM

• Báo cáo kiểm toán độc lập về chi phí thực tế cho các hạng mục đề nghị hỗ trợ.

• Hợp đồng, hóa đơn và chứng từ thanh toán thực tế.

• Văn bản cam kết.

5. CAM KẾT

- Đơn vị cam kết thông tin cung cấp là chính xác, trung thực. Nếu sai lệch xin hoàn trả 100% kinh phí và chịu lãi suất quá hạn theo quy định.

- Duy trì trụ sở và hoạt động tại thành phố Đồng Nai theo thời hạn quy định.

Kính đề nghị Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu Kinh tế thành phố xem xét, thẩm định và trình UBND thành phố quyết định hỗ trợ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
-
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)